TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-PT
Ngày 23 tháng 7 năm 2019
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà

Bà Lương Hải Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 33, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Đào Quang Nghị - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước. Có mặt.

1.2. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 122, đường Q, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.3. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn K, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị C1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 108, tổ 08, khu 04, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3.2. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Văn K.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Các nguyên đơn bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, Vũ Thị C trình bày:

Bố mẹ đẻ của các bà là cụ Vũ Văn T1, sinh năm 1925 - mất ngày 24/6/2015 và cụ Đặng Thị T2, sinh năm 1928 - mất ngày 20/12/1991. Các cụ sinh được 05 người con là Vũ Thị T, Vũ Văn K, Vũ Thị H, Vũ Thị C, Vũ Thị C1. Các cụ không có vợ hoặc chồng khác, không có con riêng, không có con nuôi. Cụ T2, cụ T1 mất không để lại di chúc. Di sản để lại là 323,4m^2 đất ở, thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16 và ngôi nhà một tầng giáp đường 457, tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Thửa đất vẫn đang đứng tên quyền sử dụng đất là cụ Vũ Văn T1 còn ông Vũ Văn K đang quản lý, sử dụng di sản. Trước khi mất cụ T1 có dặn nhà này là nhà chung. Các nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là toàn bộ diện tích đất ở là 323,4m^2 của cụ T1 và cụ T2 để lại, còn ngôi nhà do đã cũ, không còn giá trị nên không yêu cầu chia. Trên diện tích đất này có một ngôi nhà 02 tầng do vợ chồng ông K và bà D đứng ra xây dựng nhưng cụ T1 và các chị em bà cũng góp phần tiền bạc, công sức vào đó nhưng các bà không yêu cầu chia mà để ông K sử dụng và thờ cúng. Về số tiền mai táng phí và phần ruộng cụ T1 để lại nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các cụ không để lại khoản nợ nào.

Bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị H yêu cầu được chia bằng hiện vật (phần đất ở), bà Vũ Thị C yêu cầu được chia và nhận bằng giá trị.

** Bị đơn - ông Vũ Văn K trình bày:*

Vợ chồng ông chung sống cùng với bố mẹ ông từ khi kết hôn, năm 1991 khi mẹ ông chết thì đất ở vẫn có diện tích là 332m^2 nhưng hiện nay còn 323,4m^2, nguyên nhân giảm do nhà nước mở đường giao thông. Tài sản trên đất có ngôi

nhà 01 tầng mái bằng giáp với đường 457 và ngôi nhà ngói đã xuống cấp, đến năm 1999 thì bố ông đồng ý để ông phá ngôi nhà ngói đi và ông đã xây ngôi nhà 02 tầng trên nền nhà cũ đó mà hiện nay ông đang sử dụng để ở và thờ cúng gia tiên. Khi ông xây dựng ngôi nhà 02 tầng thì các chị em cũng có đóng góp một phần nhỏ vật tư và tiền, tổng cộng là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu).

Năm 2007, bố ông và các chị em trong gia đình đã ký vào biên bản để chuyển nhượng, giao lại nhà cửa, đất đai cho ông quản lý, sử dụng, trông nom, thờ cúng. Đến năm 2009, bố ông đã lên Ủy ban nhân dân xã H để nộp hồ sơ và làm thủ tục sang tên cho ông nhưng không làm được vì hồ sơ theo cán bộ xã nói là không đúng thủ tục. Năm 2015, bố ông mất không để lại di chúc nhưng bố ông đã chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất trên cho ông. Ông cho rằng tờ giấy bố ông nộp cho Ủy ban ban nhân dân xã H nhưng cán bộ địa chính xã lại nói là đã trả lại cho bố ông là không đúng mà thực tế chưa trả. Do vậy nhà cửa và đất đã thuộc quyền sử dụng của ông, ông yêu cầu Tòa án không chia. Về mai táng phí và phần ruộng bố mẹ để lại ông cũng không yêu cầu chia. Bố mẹ ông không để lại khoản nợ nào.

Về các tài sản khác trên thửa đất gồm: Nhà xưởng, sảnh, non bộ, sân đổ bê tông, 02 cây si là tài sản do vợ chồng ông xây dựng lên. Đối với hòn non bộ giữa sân và cây si nếu khi chia mà thuộc vào phần của người khác thì ông cũng không yêu cầu thanh toán. Về giá trị sửa nhà một tầng do ông và ông Đặng Văn H sửa bằng tiền của ông và ông H2 (ông H2 là bạn ông K, ông K cho mượn nhà một tầng để bán hàng), vì vậy ông sẽ chịu trách nhiệm với ông H2, nếu chia cho người khác phần đất có các tài sản đó ông cũng không đòi hỏi phải thanh toán cho vợ chồng ông.

Ông K đã cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để chứng minh quyền sử dụng thửa đất đó thuộc về vợ chồng ông, gồm: Sổ vay vốn; bản phô tô mô tả ranh giới đất có chữ ký của các hộ giáp ranh và có dòng chữ ghi "ông Vũ T1 cùng các chị em cho tặng theo Bđồ 04"; trích hiện trạng thửa đất ngày 29/8/2018.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị C1: Nhất trí như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và các nguyên đơn đã trình bày. Bà yêu cầu được chia và nhận bằng giá trị.

- Bà Đặng Thị D: Nhất trí như ý kiến của ông K là bị đơn đã trình bày.

* Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án:

Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện: Nguồn gốc thửa đất theo bản đồ 299 năm 1981 và bản đồ 04 năm 1992 đều đứng tên chủ sử dụng là cụ T1 và cụ T2. Đến năm 2010, khi đo VLap thì ông K đứng ra kê khai người sử dụng đất, nhưng đến nay thửa đất vẫn chưa sang tên cho ai mặc dù cụ T1 và cụ T2 đã chết. Hiện nay gia đình ông K đang sử dụng thửa đất này. Về ngôi nhà trên thửa đất tranh chấp được xây dựng khi cụ T1 còn sống, ông K đứng ra xây dựng, các anh chị em khi đó rất đoàn kết, vun vén đóng góp xây dựng, hiện nay ngôi nhà này do gia đình ông K sử dụng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2018 thể hiện: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số l6 có diện tích 323.4 m^2, tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà hai tầng, xây dựng năm 1999, tổng diện tích khoảng 180m^2, trên tầng hai có một gian thờ cúng, non bộ cạnh nhà 02 tầng. Phía trước có 02 gian nhà một tầng xây dựng năm 1987 và 01 lán tạm lợp prô làm năm 1999, phía Nam có 01 lán lợp prô. Phần đất còn lại làm sân bê tông, 02 cây si, 01 bể non bộ. Phía sau cạnh nhà hai tầng có công trình phụ, 01 nhà xưởng có để máy móc cơ khí, 01 gian sảnh.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 13/11/2018 thể hiện:

+ Nhà hai tầng đã khấu hao 50% giá trị còn lại là: 328.270.600đ; nhà một tầng đã hết khấu hao, giá trị còn lại do sửa chữa là: 20.000.000đ; sảnh đã khấu hao 50%, giá trị còn lại: 18.296.400 đồng; non bộ cạnh nhà hai tầng: giá trị 10.000.000đ; nhà xưởng đã khấu hao 10%, giá trị còn lại: 68.993.640đ; công trình phụ đã khấu hao 70%, giá trị còn lại: 6.392.160đ; sân bê tông đã khâu hao 50%, giá trị còn lại: 7.439.000đ; lán tạm đã hết khấu hao; hòn non bộ giữa sân trị giá 8.000.000đ; 02 cây si: 1.200.000đ;

+ Đất ở: 3.000.000đ/m^2 x 323,4m^2 = 970.200.000đ;

Bản án số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình quyết định:

Áp dụng: Các Điều 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, Vũ Thị C về chia di sản thừa kế do cụ Vũ Văn T1 và cụ Đặng Thị T2 chết để lại là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16 có diện tích 323,4m^2 có giá trị là

970.200.000đ và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà mái bằng 01 tầng (ngôi nhà đã hết khấu hao) tại thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Chia cho bà Vũ Thị T, ông Vũ Văn K, bà Vũ Thị H bằng hiện vật (đất thổ cư), chia cho bà Vũ Thị C1 và bà Vũ Thị C bằng giá trị, cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Vũ Văn K được sử dụng phần diện tích đất có ngôi nhà 02 tầng và công trình phụ trợ, non bộ cạnh nhà 02 tầng, nhà xưởng cơ khí, sảnh, và một phần diện tích ngôi nhà 01 tầng giáp đường 457 có tổng diện tích là 194,04m^2, giá trị phần diện tích đất tính thành tiền là 582.120.000đ (năm trăm tám mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Phần đất chia cho ông Vũ Văn K có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 21,49 m tiếp giáp ngõ xóm; phía Nam có độ dài 10,37m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T và 9,88m tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách Thị L; phía Đông có độ dài 6,01m tiếp giáp đường 457 và 6,19m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H; phía Tây có độ dài 12,38m tiếp giáp thửa đất nhà ông Đặng Văn T - Nguyễn Thị S (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Vũ Văn K phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Vũ Thị C1, bà Vũ Thị C mỗi người là 194.040.000đ (một trăm chín mươi tư triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Chia cho bà Vũ Thị T được sử dụng diện tích đất là 64,6m^2, trên đất có một phần ngôi nhà 01 tầng và một phần diện tích sân.

Phần đất chia cho bà Vũ Thị T có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 10,37m, tiếp giáp phần đất chia cho ông Vũ Văn K; phía Nam có độ dài 11,12m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị H; phía Đông có độ dài 6,l1m tiếp giáp đường 457; phía Tây có độ dài 12,38m tiếp giáp gian sảnh và phần đất trống chia cho ông K (có sơ đồ kèm theo bản án).

+ Chia cho bà Vũ Thị H được sử dụng diện tích đất là 64,6 m^2, trên đất có một phần diện tích sân, một hòn non bộ và cây si.

Phần đất chia cho bà Vũ Thị H có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 11,12m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T; phía Nam có độ dài 11,10m
tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách Thị L; phía Đông có độ dài 5,84m giáp đường 457; phía Tây có độ dài 5,75m tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách Thị L;

+ Chia cho bà Vũ Thị C1, bà Vũ Thị C mỗi người là 194.040.000đ (một trăm chín mươi tư triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền này do ông Vũ Văn K thanh toán.

Ngoài ra án còn tuyên về việc thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, ông Vũ Văn K kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất 323,4m^2 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng tại thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, không phải di sản thừa kế bố mẹ ông để lại.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kháng nghị, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, xem xét về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế của bị đơn ông Vũ Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Về việc chia thừa kế: Ông không đồng ý chia thừa kế đối với diện tích đất 323,4m^2 bởi: Thửa đất này năm 2007, bố ông là cụ Vũ Văn T1 cùng với các chị em gái của ông đã lập biên bản chuyển nhượng cho ông nên trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất mới ghi *"ông Vũ T1 cùng chị em cho tặng theo Bđồ 04"*. Toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng đã gửi lên cho Ủy ban nhân dân xã H để làm thủ tục chuyển nhượng nhưng sau đó Ủy ban xã không làm nên hiện tại hồ sơ chuyển nhượng vẫn còn lưu lại tại Ủy ban. Tuy nhiên, ông K khẳng định đất này đã chuyển nhượng sang tên cho ông với các lý lẽ sau: Năm 2009, tại phiếu điều tra thực trạng sử dụng thửa đất thì ông và bà D là người đứng tên chủ sử dụng đất; năm 2010 đo Vlap thì ông là đứng ra kê khai người sử dụng đất; năm 2018 khi ông lên Ủy ban nhân dân xã H làm việc với cán bộ địa chính xã thì ông đã chụp được: Giấy giao nhận hồ sơ, trong đó thể hiện có giao các văn bản tài liệu là đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản mô tả ranh giới thửa đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất, giấy giao nhận hồ sơ, giấy chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu. Hơn nữa, trong sổ vay vốn của hộ gia đình ông gồm có cụ T1, bà D và ông K đồng ý liệt kê các tài sản đồng sở hữu để vay vốn gồm: 01 nhà mái bằng, 01 công trình phụ, 323,4m^2 đất ở và 720m^2 ruộng. Như vậy có thể khẳng định ông phải có quyền sử dụng thửa đất đó thì ông mới đứng tên chủ sử dụng đất để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm hồ sơ vay vốn được.

Về nội D kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Trong

quá trình vợ chồng ông chung sống với bố mẹ (từ năm 1984), ông đã bỏ ra nhiều công sức để tôn tạo, quản lý đất như việc lấp trũng đất ở, làm sân và xây dựng nhiều tài sản khác trên đất. Do tại phiên tòa sơ thẩm ông xác định diện tích đất bố mẹ ông để lại đã chuyển nhượng sang cho ông nên ông không đồng ý chia cho các chị em gái và không yêu cầu các chị em phải thanh toán tiền công sức tôn tạo, quản lý di sản thừa kế, cũng không yêu cầu các chị em phải thanh toán giá trị của các tài sản trên đất mà vợ chồng ông đã tạo dựng lên. Tuy nhiên, nếu tại cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ông K đề nghị bà T, H, C, C1 phải thanh toán cho ông khoản tiền về công sức tôn tạo, quản lý di sản theo quy định của pháp luật và thanh toán các tài sản trên đất mà được phân chia cho bà T, bà H là giá trị của một phần ngôi nhà một tầng, sân đã đổ bê tông, hòn non bộ và một cây si.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T trình bày: Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn K, bởi trên thực tế ông K không cung cấp được bất cứ tài liệu nào để chứng minh việc cụ T1, bà T, bà H, bà C, bà C1 đã ký văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K. Việc từ năm 2009 cho đến nay ông K là người đứng tên chủ sử dụng đất trong phiếu điều tra thực trạng sử dụng thửa đất và làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ chứng minh việc ông K đang là người quản lý, sử dụng đất chứ chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần phải xác định đây là di sản thừa kế của cụ T1, cụ T2 để lại và cần phải chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của các cụ là đúng pháp luật. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình thì nguyên đơn chấp nhận không có ý kiến gì. Tại phiên tòa sau khi bàn bạc với nhau, các đồng nguyên đơn và người liên quan là bà C1 thống nhất tự nguyện thanh toán cho ông Vũ Văn K một khoản tiền công sức đóng góp tôn tạo, quản lý di sản và đồng ý thanh toán cho ông K giá trị của các tài sản trên đất mà các bà được phân chia như yêu cầu của ông K.

Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị C và bà Vũ Thị C1 trình bày: Các bà không chấp nhận kháng cáo của ông K vì các bà xác định không ký bất cứ văn bản chuyển nhượng đất nào cho ông K nên các bà đề nghị giữ nguyên cách chia di sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị em các bà đã bàn bạc thống nhất: Đồng ý thanh toán tiền công sức đóng góp tôn tạo, quản lý di sản thừa kế cho ông K theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị T tự nguyện thanh toán cho vợ

chồng ông K và bà D giá trị của các tài sản trên đất bà được phân chia bao gồm: ½ giá trị của sân bê tông là 3.719.000 đồng; giá trị một phần ngôi nhà một tầng có diện tích 13m^2 là 8.700.000 đồng. Bà Vũ Thị H tự nguyện thanh toán cho vợ chồng ông K và bà D giá trị của các tài sản trên đất bà được phân chia bao gồm: ½ giá trị của sân bê tông là 3.719.000 đồng, giá trị hòn non bộ là 8.000.000 đồng và cây si là 600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình bởi: Ông K là thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là người có đóng góp công sức trong việc quản lý di sản từ khi chung sống cùng cụ T1 và cụ T2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không yêu cầu xem xét công sức vì ông K cho rằng đất đã chuyển nhượng cho ông nên không đồng ý chia thừa kế. Như vậy, yêu cầu của ông K đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức quản lý, tôn tạo di sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức cho ông K là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự. Đồng thời, tại phiên tòa, các bà T, H, C, C1 đều đồng ý thanh toán tiền công sức quản lý, tôn tạo di sản cho ông K và tự nguyện thanh toán cho ông K giá trị của các tài sản trên phần đất mà bà T, bà H được chia. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, ghi nhận sự tự nguyện về việc thanh toán tiền công sức quản lý, tôn tạo di sản của các đương sự và sự tự nguyện thanh toán giá trị của các tài sản trên đất mà bà T, bà H được phân chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và đơn kháng cáo của ông Vũ Văn K làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn K thấy: Ông K cho rằng diện tích 323,4m^2 đất ở ông đã nhận chuyển nhượng từ bố ông và các chị em gái nên trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 09/11/2009 cán bộ xã mới ghi *"ông Vũ T1 cùng chị em cho tặng theo Bđồ 04"* nhưng ông K không cung cấp được văn bản chuyển nhượng như đã nêu trên nên không có căn cứ để xem xét việc chuyển

nhượng này. Tại sổ vay vốn tháng 7/2014, hộ gia đình có ông là chủ hộ và cụ T1 (bố), bà D (vợ) đứng tên để liệt kê các tài sản đồng sở hữu để vay vốn trong đó có ngôi nhà hai tầng và 323,4m^2 đất ở, điều này thể hiện diện tích đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của cụ T1 chưa chuyển nhượng cho ông K nên cụ T1 mới phải ký xác nhận vào sổ vay vốn đó. Tại giai đoạn phúc thẩm ông K cung cấp thêm một số tài liệu bản phô tô như: đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phiếu điều tra thực trạng sử dụng đất; giấy giao nhận hồ sơ ngày 12/11/2010 (chỉ có chữ ký bên nhận), trong đó thể hiện có giao các văn bản tài liệu là đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản mô tả ranh giới thửa đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất..., nguồn gốc toàn bộ các tài liệu này theo ông K trình bày do ông chụp được trên mặt bàn của cán bộ địa chính xã để chứng minh rằng đất này đã được chuyển nhượng cho ông nên ông mới có quyền làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giả thiết ông K đã làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 323,4m^2 đất ở thì những tài liệu này cũng chỉ chứng minh về việc ông đang tiến hành làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa có một tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 323,4m^2 đất ở cho ông K. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 323,4m^2 đất ở tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16 địa chỉ thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình là di sản thừa kế của cụ T1 và cụ T2 để lại và chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là 5 người con là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông K. Đối với yêu cầu của ông K về việc nếu phải chia thừa kế thì yêu cầu bà T, bà H phải thanh toán giá trị của các tài sản do vợ chồng ông tạo dựng trên phần đất mà bà T, bà H được chia và yêu cầu các chị em của ông thanh toán cho ông K tiền công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thì thấy: Tại phiên tòa, các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị C1 tự nguyện thanh toán cho ông K khoản tiền công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản theo quyết định của Tòa án; bà T tự nguyện thanh toán cho ông K giá trị các tài sản trên đất được chia bao gồm: ½ giá trị của sân bê tông là 3.719.000 đồng; giá trị một phần ngôi nhà một tầng có diện tích 13m^2 là 8.700.000 đồng, tổng cộng bà T tự nguyện thanh toán cho ông K số tiền là: 12.419.000 đồng; bà H tự nguyện thanh toán: ½ giá trị của sân bê tông là 3.719.000 đồng, giá trị hòn non bộ là 8.000.000 đồng và một cây si là 600.000 đồng, tổng cộng bà H tự nguyện thanh toán cho ông K số tiền là 12.319.500 đồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên Hội đồng xét xử ghi

nhận sự tự nguyện này.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình thấy: Các căn cứ kháng nghị của Viện kiểm sát là đúng. Đồng thời tại phiên tòa, bà T, bà H, bà C, bà C1 tự nguyện thanh toán khoản tiền công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản cho ông K nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Vũ Văn K đã trên 60 tuổi được xác định thuộc đối tượng miễn nộp án phí nên ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

1.1. Áp dụng: Các Điều 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, Vũ Thị C về chia di sản thừa kế theo pháp luật do cụ Vũ Văn T1 và cụ Đặng Thị T2 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16 có diện tích 323,4m^2 có giá trị là 970.200.000đ và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà mái bằng 01 tầng (ngôi nhà đã hết khấu hao) tại thôn Tả Phụ, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chia cho bà Vũ Thị T, ông Vũ Văn K, bà Vũ Thị H bằng hiện vật (đất ở), chia cho bà Vũ Thị C1 và bà Vũ Thị C bằng giá trị, cụ thể như sau:

1.2.1. Chia cho ông Vũ Văn K được sử dụng phần diện tích đất có ngôi nhà 02 tầng và công trình phụ trợ, non bộ cạnh nhà 02 tầng, nhà xưởng cơ khí, sảnh, và một phần diện tích ngôi nhà 01 tầng giáp đường 457 có tổng diện tích là 194,04m^2, giá trị phần diện tích đất tính thành tiền là 582.120.000 đồng (năm trăm tám mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng). Phần đất chia cho ông Vũ Văn K có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 21,49m tiếp giáp ngõ xóm; phía Nam có độ dài 10,37m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T và 9,88m tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách

Thị L; phía Đông có độ dài 6,01m tiếp giáp đường 457 và 6,19m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H; phía Tây có độ dài 12,38m tiếp giáp thửa đất nhà ông Đặng Văn T - Nguyễn Thị S.

Ông Vũ Văn K phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Vũ Thị C1, bà Vũ Thị C mỗi người là 194.040.000 đồng (một trăm chín mươi tư triệu, không trăm bốn mươi nghìn).

1.2.2. Chia cho bà Vũ Thị T được sử dụng diện tích đất là 64,6m^2, trên đất có một phần ngôi nhà 01 tầng và một phần diện tích sân. Phần đất chia cho bà Vũ Thị T có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 10,37m, tiếp giáp phần đất chia cho ông Vũ Văn K; phía Nam có độ dài 11,12m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị H; phía Đông có độ dài 6,11m tiếp giáp đường 457; phía Tây có độ dài 12,38m tiếp giáp gian sảnh và phần đất trống chia cho ông K.

Bà Vũ Thị T tự nguyện thanh toán cho ông Vũ Văn K và bà Đặng Thị D giá trị của các tài sản trên đất mà bà T được chia là 12.419.000 đồng.

1.2.3. Chia cho bà Vũ Thị H được sử dụng diện tích đất là 64,6m^2, trên đất có một phần diện tích sân, một hòn non bộ và cây si. Phần đất chia cho bà Vũ Thị H có các cạnh là: Phía Bắc có độ dài 11,12m tiếp giáp phần đất chia cho bà Vũ Thị T; phía Nam có độ dài 11,10m tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách Thị L; phía Đông có độ dài 5,84m giáp đường 457; phía Tây có độ dài 5,75m tiếp giáp thửa đất hộ bà Quách Thị L.

Bà Vũ Thị H tự nguyện thanh toán cho ông Vũ Văn K và bà Đặng Thị D giá trị của các tài sản trên đất mà bà H được chia là 12.319.500 đồng.

1.2.4. Chia cho bà Vũ Thị C1, bà Vũ Thị C mỗi người được hưởng giá trị của 64,6m^2 là 194.040.000 đồng (một trăm chín mươi tư triệu, không trăm bốn mươi nghìn), số tiền này do ông Vũ Văn K thanh toán.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị C1 về việc thanh toán cho ông Vũ Văn K khoản tiền công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế, mỗi người thanh toán 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn K không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/7/2019.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TA, THA huyện Kiến Xương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HC-TP;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hà